

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm (nâng công suất từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm, tương đương khoảng 9.408 tấn/năm)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số PAV/DTM-2023 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Công ty TNHH Prime Asia (Việt Nam) đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm (nâng công suất từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm, tương đương khoảng 9.408 tấn/năm) đã được chỉnh sửa, bổ sung và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm (nâng công suất từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm, tương đương khoảng 9.408 tấn/năm) (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH Prime Asia (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại Lô V2, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

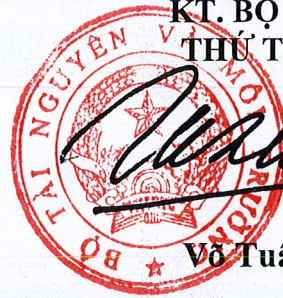
**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

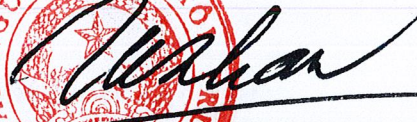
**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Prime Asia (Việt Nam);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT.PTT



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DA THUỘC THÀNH DA THÀNH PHẨM (NÂNG  
CÔNG SUẤT TỪ 72.000.000 FT<sup>2</sup>/NĂM LÊN 96.000.000 FT<sup>2</sup>/NĂM,  
TƯƠNG ĐƯƠNG KHOẢNG 9.408 TẤN/NĂM)**

*(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-BTNMT ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm (nâng công suất từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm, tương đương khoảng 9.408 tấn/năm).

- Địa điểm thực hiện: Lô V2, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Prime Asia (Việt Nam).

- Địa chỉ: Lô V2, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3899177/ 3899430 Fax: 0254.3899170

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

**1.2.1. Phạm vi Dự án:**

Đầu tư bổ sung công trình, thiết bị để nâng công suất sản xuất của Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm (tương đương khoảng 9.408 tấn/năm).

**1.2.2. Quy mô của Dự án:**

Dự án thực hiện trên khu đất của Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm hiện hữu 200.000 m<sup>2</sup> tại Lô V2, KCN Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng. Dự án không tăng quy mô sử dụng đất của Nhà máy hiện hữu.

**1.2.3. Công suất của Dự án:**

Nâng công suất sản xuất sản phẩm là da thành phẩm từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm (tương đương 9.408 tấn/năm).

**1.3. Công nghệ sản xuất:**

Dự án tiếp tục sử dụng công nghệ sản xuất hiện hữu của Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL ngày 31 tháng 10 năm 2022: sản xuất da thuộc thành phẩm từ nguyên liệu đầu vào là da đã thuộc (wetblue) với 04 công đoạn cơ bản theo lưu trình công nghệ sản xuất chính: Công đoạn tái thuộc → Công đoạn làm khô da → Công đoạn sơn da → Công đoạn kiểm tra, đóng gói.

Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất của 04 công đoạn cụ thể như sau:

- Công đoạn tái thuộc: Nguyên liệu (Da wetblue) → Làm ẩm → Chọn cấp → Ép nước → Xẻ da → Bào da → Tái thuộc (trung hòa, tái thuộc, nhuộm màu, thêm dầu) → Vắt lưng ngựa → Làm khô da;

- Công đoạn làm khô da: Da sau công đoạn vắt lưng ngựa → Kéo căng → Đánh mềm ướt → Sấy (sấy chân không, kẹp khô, treo khô) → Hồi ẩm → Đánh mềm → Tia biên → Mài → Sơn da;

- Công đoạn sơn da: Da sau công đoạn mài → Sơn da → Ép hoa → Trộn mềm → Kiểm tra, đóng gói;

- Công đoạn kiểm tra, đóng gói: Da sau công đoạn trộn mềm → Kiểm tra vật lý → Tia biên/ chọn cấp → Đo da → Đóng gói → Thành phẩm (Da thuộc thành phẩm).

#### **1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:**

##### **1.4.1. Các hạng mục công trình bổ sung:**

- Lắp đặt bổ sung 06 bồn tái thuộc 1T, tổng công suất 5.400.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 03 bồn tái thuộc 2T, tổng công suất 5.400.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy kéo căng dạng ép, công suất 17.856.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 02 máy mài da và 01 máy hút bụi sau mài, tổng công suất 26.784.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy phun sơn tự động, công suất 27.900.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 02 máy lăn sơn, tổng công suất 55.800.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy sấy sau lăn sơn, công suất 27.900.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy ép hoa dạng đứng, công suất 5.580.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy ép hoa dạng lăn, công suất 31.000.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 bồn trộn làm mềm bằng inox, công suất 14.440.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy đánh mềm, công suất 41.850.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy phun sơn tay lớn, công suất 4.320.000 ft<sup>2</sup>/năm;
- Lắp đặt bổ sung 01 máy sấy mùn da, công suất 15kw;
- Mở rộng nhà xưởng sản xuất C từ 3.591 m<sup>2</sup> lên 4.435 m<sup>2</sup> (Diện tích mở rộng là 844 m<sup>2</sup>);
- Mở rộng nhà xưởng sản xuất D từ 12.960 m<sup>2</sup> lên 13.846 m<sup>2</sup> (Diện tích mở rộng là 886 m<sup>2</sup>);
- Mở rộng bãi đậu xe từ 3.736 m<sup>2</sup> lên 5.804 m<sup>2</sup> (Diện tích mở rộng là 2.068 m<sup>2</sup>);
- Mở rộng khu xử lý nước thải từ 3.918 m<sup>2</sup> lên 6.144 m<sup>2</sup> (Diện tích mở rộng là 2.226 m<sup>2</sup>);
- Xây mới nhà để máy sấy mùn da, diện tích 237 m<sup>2</sup>.

#### 1.4.2. Các hệ thống xử lý bụi, khí thải, nước thải lắp đặt bổ sung:

- 01 hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động, công suất 22.000 m<sup>3</sup>/h;
- 01 hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay lớn, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/h;
- 01 hệ thống thu hồi bụi từ quá trình mài da, quạt hút công suất 48.000 m<sup>3</sup>/h và hệ thống nén bụi, công suất nén 4.320 cm<sup>3</sup>/phút;
- 02 hệ thống xử lý khí thải máy sấy mền da (trong đó, thay thế 01 hệ thống hiện hữu và lắp đặt bổ sung 01 hệ thống mới), công suất 2.000 m<sup>3</sup>/h/hệ thống;
- 01 hệ thống xử lý khí thải nhà để máy sấy mền da, công suất 22.000 m<sup>3</sup>/h;
- 01 hệ thống xử lý khí thải từ bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải, công suất 6.300 m<sup>3</sup>/h.
- Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải, từ 3.600 m<sup>3</sup>/ngày lên 4.200 m<sup>3</sup>/ngày.

#### 1.4.3. Các hoạt động chính của Dự án:

- Xây lắp bổ sung các công trình, thiết bị để nâng công suất sản xuất da thuộc thành da thành phẩm từ 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm lên 96.000.000 ft<sup>2</sup>/năm.
- Tiếp tục sử dụng các hạng mục công trình, thiết bị sản xuất và công trình, thiết bị bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất da thuộc thành da thành phẩm (công suất 72.000.000 ft<sup>2</sup>/năm) đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL ngày 31 tháng 10 năm 2022 trong quá trình vận hành cùng với các hạng mục công trình, thiết bị sản xuất và công trình, thiết bị bảo vệ môi trường của Dự án.

#### 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022: Dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II nằm trong nội thành, nội thị của đô thị theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị (thị xã Phú Mỹ là đô thị loại III).

### 2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

#### 2.1. Giai đoạn xây dựng

Các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường gồm:

- Bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển vật liệu, thiết bị và quá trình thi công xây lắp;
- Nước thải xây dựng;
- Nước thải sinh hoạt của người lao động tại công trường;
- Chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây lắp.

#### 2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông (vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm): bụi, khí thải,

tiếng ồn;

- Hoạt động sơn da của 01 máy phun sơn tự động, 01 máy phun sơn tay lớn lắp đặt bổ sung: bụi, khí thải, nhiệt, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại;

- Hoạt động mài da (02 máy mài da và 01 máy hút bụi sau mài lắp đặt bổ sung): bụi, chất thải rắn thông thường;

- Hoạt động làm khô da (01 máy sấy sau lã sơn): bụi, khí thải, tiếng ồn;

- Hoạt động sấy mền da (01 máy sấy mền da lắp đặt bổ sung): bụi, khí thải, tiếng ồn;

- Hoạt động sản xuất khác (làm ẩm, tái thuộc, kéo căng, hồi ẩm): nước thải;

- Hoạt động của cán bộ công nhân viên: nước thải, chất thải rắn thông thường.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư**

#### **3.1. Nước thải, khí thải**

##### **3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải**

###### **3.1.1.1. Giai đoạn xây dựng:**

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của người lao động trên công trường: khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD, tổng N, tổng P, coliform.

- Nước thải thi công xây dựng: 0,8 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng, pH.

###### **3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động trong các hạng mục nâng công suất thuộc Dự án khoảng 30 m<sup>3</sup>/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD, tổng N, tổng P, coliform.

- Nước thải sản xuất từ các hạng mục nâng công suất thuộc Dự án phát sinh khoảng 863,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: cặn bản, COD, BOD, TSS, độ màu, các loại dung môi hữu cơ, gồm có:

- + Nước thải từ công đoạn làm ẩm khoảng 58,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ công đoạn tái thuộc và ngâm da khoảng 492 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ công đoạn kéo căng khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ công đoạn hồi ẩm khoảng 19 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ công đoạn phun sơn (sau hệ thống xử lý khí thải) khoảng 57 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ quá trình vệ sinh nhà xưởng sản xuất khoảng 33 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- + Nước thải từ công trình xử lý nước thải khoảng 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Nước thải từ khu vực lò hơi (xử lý nước cấp lò hơi) khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

#### 3.1.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, từ hoạt động hàn, cắt kim loại, sơn hoàn thiện nhà xưởng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO<sub>x</sub>, CO.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO<sub>x</sub>, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>.

#### 3.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Khí thải từ hoạt động giao thông (vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm...). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, CO<sub>x</sub>, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub> và bụi.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn da tự động (máy số 24) có lưu lượng 22.000 m<sup>3</sup>/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi sơn, n-Butyl acetate, Triethylamine, NH<sub>3</sub>.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn da tay lớn (máy số 12) có lưu lượng 15.000 m<sup>3</sup>/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi sơn, n-Butyl acetate, Triethylamine, NH<sub>3</sub>.

- Bụi từ công đoạn mài da. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi da.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn làm khô da (máy sấy sau lăn sơn) có lưu lượng 28.800 m<sup>3</sup>/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi, bụi da, NH<sub>3</sub>, methanol, phenol, H<sub>2</sub>S.

- Khí thải phát sinh từ máy sấy mền da (2 máy) có lưu lượng 4.000 m<sup>3</sup>/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, H<sub>2</sub>S.

- Khí thải phát sinh từ khu nhà để máy sấy mền da có lưu lượng 22.000 m<sup>3</sup>/h. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, H<sub>2</sub>S, các hợp chất hữu cơ.

- Khí thải phát sinh từ khu xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, mùi hôi, các sol khí trong quá trình phân hủy sinh học.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải không nguy hại

##### 3.2.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn xây dựng, phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng: tổng khối lượng khoảng 800 - 1.000 kg trong suốt quá trình xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm xi măng, sắt thép, dây điện, chi tiết máy hỏng.

- Lượng đất đá thừa trong quá trình xây lắp khoảng 11.214,48 m<sup>3</sup>

### 3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động trong các hạng mục nâng công suất thuộc Dự án khoảng 279 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các hạng mục nâng công suất khoảng 261.496 kg/tháng, bao gồm:

- + Sắt vụn, nhôm, inox, tôn vụn, dây điện phế, đồng khoảng 1.028 kg/tháng;
- + Giấy phế khoảng 414 kg/tháng;
- + Mô tơ phế khoảng 9 kg/tháng;
- + Nhựa phế khoảng 103 kg/tháng;
- + Da vụn lớn khoảng 1.335 kg/tháng;
- + Bụi da khoảng 9.515 kg/tháng;
- + Mùn da khoảng 75.195 kg/tháng;
- + Da vụn nhỏ khoảng 39.325 kg/tháng;
- + Palet gỗ (gỗ vụn) khoảng 9.290 kg/tháng;
- + Tro trấu khoảng 40.543 kg/tháng;
- + Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 81.850 kg/tháng;
- + Chất thải rắn thông thường khác: 2.889 kg/tháng.

- Ghi chú: Việc phân định chất thải đối với chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ giai đoạn vận hành của Dự án được thực hiện trong quá trình lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

#### 3.2.2.1. Giai đoạn xây dựng

Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 350 - 400 kg, gồm dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu; thùng sơn, chất thải hàn xì....

#### 3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của các hạng mục nâng công suất của Dự án khoảng 293.017 kg/năm bao gồm:

- + Bóng đèn huỳnh quang thải khoảng 19 kg/năm;
- + Pin, ắc quy thải khoảng 31 kg/năm;
- + Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử khoảng 20 kg/năm;
- + Các loại dầu thải khoảng 225 kg/năm;
- + Bao bì mềm thải (bao bì giấy, nilon) nhiễm thành phần nguy hại khoảng 39.185 kg/năm;

- + Bao bì kim loại cứng thải (thùng sắt) nhiễm thành phần nguy hại khoảng 6.984 kg/năm;
- + Bao bì nhựa cứng thải (thùng nhựa) nhiễm thành phần nguy hại khoảng 70.004 kg/năm;
- + Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại khoảng 378 kg/năm;
- + Hóa chất vô cơ có các thành phần nguy hại (chưa sử dụng) khoảng 150 kg/năm;
- + Hóa chất hữu cơ có các thành phần nguy hại (chưa sử dụng) khoảng 150 kg/năm;
- + Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại khoảng 31 kg/năm;
- + Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (đã sử dụng) khoảng 50 kg/năm;
- + Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (đã sử dụng) khoảng 50 kg/năm;
- + Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại khoảng 1.728 kg/năm;
- + Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ khoảng 174.012 kg/năm.

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

#### 3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị của quá trình xây dựng lắp đặt thiết bị các hạng mục công trình nâng công suất của Dự án.

TT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn (dBA)					
		1m	1,5m	5m	8m	10m	30m
1	Máy ủi	88,2	84,68	74,22	70,14	68,2	58,66
2	Máy xúc gàu ngược	86,0	82,48	72,02	67,94	66,0	56,46
3	Xe cẩu	81,5	77,98	67,52	63,44	61,5	51,96
4	Xe tải	87,0	83,48	73,02	68,94	67,0	57,46
5	Máy đào	81,5	77,98	67,52	63,44	61,5	51,96
6	Máy đầm	82,4	78,88	68,42	64,34	62,4	52,86
7	Máy hàn	76,5	72,98	62,52	58,44	56,5	46,96

TT	Các phương tiện	Mức ồn cách nguồn (dBA)					
		1m	1,5m	5m	8m	10m	30m
	QCVN 26:2010/BTNMT (6h - 21h)	70	70	70	70	70	70
	QCVN 24:2016/BYT (thời gian tiếp xúc 8 giờ)	85	85	85	85	85	85

### 3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất; thiết bị vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm thuộc Dự án.

TT	Vị trí đo	Độ ồn (dBA)
1	Khu làm ẩm	72 - 83
2	Khu ép nước chọn cấp	76 - 82
3	Khu xẻ da	76 - 78
4	Khu bào da	78 - 80
5	Khu máy kéo căng	78 - 84
6	Khu đánh mềm ướt	81 - 85
7	Khu máy hấp chân không	77 - 83
8	Khu máy kẹp khô	76 - 79
9	Khu máy mài da	78 - 81
10	Khu máy phun sơn	73 - 81
<b>QCVN 24:2016/BYT</b>		<b>≤ 85</b>

**3.4. Các tác động khác:** mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:**

**4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:**

**4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

4.1.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: người lao động trên công trường sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại Nhà máy hiện hữu;

- Nước thải thi công xây dựng: bố trí 2 hố lắng tạm thời tại khu vực xây dựng bãi giữ xe và khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải (2 khu vực có diện tích xây dựng chiếm phần lớn trong giai đoạn nâng công suất Dự án) để lắng đất cát. Tiến hành vét cặn lắng 01 lần/tuần. Nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải hiện hữu của nhà máy để xử lý;

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom và thoát vào hệ thống thoát nước mưa hiện hữu của nhà máy;

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình xây dựng bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

#### 4.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Các hạng mục, công trình thu gom, xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa;

+ Các bể tự hoại và bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy. Các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải cục bộ hiện hữu của Nhà máy là các hạng mục công trình đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL.

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp của các khu nhà ăn được tách rác bằng song chắn rác và tách dầu mỡ bằng bể tách dầu mỡ, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 4.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2;

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh tại các khu vực sản xuất, khu nhà ăn và nhà nghỉ giữa ca của chuyên gia sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 4.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2;

+ Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ Dự án được thu gom chung với nước thải phát sinh từ Nhà máy hiện hữu, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 4.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2;

+ Công suất hệ thống xử lý nước thải: cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải hiện hữu từ 3.600 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 4.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

+ Phương án cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu sử dụng công nghệ hóa lý kết hợp với công nghệ xử lý sinh học và xử lý bậc cao: cụm công nghệ xử lý hóa lý - sinh học bao gồm 02 hệ xử lý chạy song song, mỗi hệ có công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngày; cụm xử lý bậc cao (Bionet + Fenton) có công suất 3.600 m<sup>3</sup>/ngày (phía trước có bể chứa trung gian tiếp nhận nước thải từ hệ hóa lý - sinh học).

Dự án giữ lại 01 hệ xử lý hóa lý - sinh học, tháo dỡ 01 hệ xử lý hóa lý - sinh học (có giữ lại một số bể tận dụng làm bể chứa bùn và bể chứa trung gian) và xây dựng mới 01 cụm hóa lý - sinh học có công suất 2.400 m<sup>3</sup>/ngày; giữ nguyên cụm

xử lý bậc cao (Bionet + Fenton).

Tổng công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải sau khi cải tạo, nâng công suất: 4.200 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Công nghệ xử lý nước thải bao gồm các công đoạn như sau:

Nước thải (sinh hoạt và sản xuất) → Song chắn rác → Hồ gom → Thiết bị tách rác → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa học → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể fenton → Bể điều chỉnh pH → Bể khử khí → Bể tạo bông → Bể lắng hóa học → Bể Bionet → Bể chứa tạm → Bể lọc cát mangan → Bể chứa nước sau xử lý → Tái sử dụng một phần + đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) chung với nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy hiện hữu đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A2.

#### 4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

##### 4.1.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Bố trí hướng di chuyển và điều tiết phương tiện vận chuyển thiết bị ra vào dự án hợp lý, tránh gây ùn tắc giao thông và ảnh hưởng đến các hoạt động khác của nhà máy hiện hữu;

- Các phương tiện phải đậu đúng vị trí quy định và phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại nguyên vật liệu xây dựng xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực;

- Các xe chở đất đào và vật liệu di chuyển bên trong khu vực nhà máy phải được trang bị bạt che phủ và di chuyển với vận tốc nhỏ để tránh lòi cuốn bụi khuếch tán khi vận chuyển;

- Tiến hành che chắn các bãi tập kết nguyên vật liệu bằng vật liệu chuyên dụng, bố trí bãi tập kết tại những vị trí không có độ nhạy cảm môi trường cao (gần mương thoát nước, khu vực sinh hoạt của công nhân);

- Lên kế hoạch thi công và bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, máy móc hợp lý; hạn chế sử dụng các máy móc thiết bị cùng lúc để giảm thiểu khí thải phát sinh;

- Đặt nội quy an toàn lao động tại công trường và treo biển báo nguy hiểm ngay tại các khu vực thi công;

- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân và bắt buộc nghiêm túc thực hiện các quy định về an toàn lao động;

- Tưới nước tại khu vực thi công xây dựng vào các ngày nắng để hạn chế sự khuếch tán bụi do gió vào không khí;

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

#### 4.1.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Xử lý bụi từ quá trình mài da (01 hệ thống lắp đặt mới): Bụi → Chụp hút → Hệ thống đường ống → Máy nén bụi da → Khu lưu trữ bụi da;

- Xử lý khí thải từ máy phun sơn tự động (01 hệ thống lắp đặt mới): Khí thải → Tháp hấp thụ (có bộ sung tấm lọc ẩm) → Quạt hút → Ống khói (đường kính 800mm, chiều cao 15m);

- Xử lý khí thải từ máy phun sơn tay lớn (01 hệ thống lắp đặt mới): Khí thải → Màng nước → Quạt hút ly tâm → Ống khói (đường kính từ 550mm, chiều cao 6m);

- Xử lý khí thải từ công đoạn làm khô da (01 hệ thống lắp đặt mới): Khí thải từ máy sấy da sau khi lăn sơn → Ống thoát khí (đường kính 75cm, chiều cao 15m);

- Xử lý khí thải từ khu vực sấy mền da (gồm 02 máy sấy mền da và khu nhà để máy sấy mền da; 03 hệ thống xử lý riêng biệt được lắp đặt mới, thải chung vào 01 ống khói, thay thế hệ thống xử lý khí thải từ khu vực sấy mền da của Nhà máy hiện hữu (là dòng khí thải số 42 đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL)): Khí thải → Tháp hấp thụ (bằng nước) → Quạt hút → Ống khói (đường kính 800mm, chiều cao 1.500mm);

- Xử lý khí thải từ các bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải (01 hệ thống lắp đặt mới): Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ (bằng các dung dịch NaOH, NaClO) → Ống khói (đường kính 0,508m, chiều cao 4,2m).

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ( $K_v = 1,0$ ;  $K_p = 0,8$ ).

(Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải khác thuộc các hạng mục công trình của Nhà máy hiện hữu tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL).

## 4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại:

### 4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải không nguy hại:

#### 4.2.1.1. Giai đoạn xây dựng:

- Phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng được như bao bì xi măng, bao bì thùng gỗ, giấy, sắt thép vụn,... được thu gom và chuyển cho các cơ sở thu mua phế liệu;

- Chất thải rắn xây dựng khác không thể tái chế như bao giấy, dây nhựa,... được tách riêng và hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định hiện hành;

- Đất đá thừa trong quá trình xây lắp được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định;

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom

vào các thùng chứa tạm thời, sau đó, tập kết về khu nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy hiện hữu và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

#### 4.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu chứa vào các thùng đựng rác chuyên dùng, hợp đồng với các đơn vị chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án được thu gom, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường chung của Nhà máy hiện hữu (gồm: 01 khu lưu chứa bụi da mùn da có diện tích 158 m<sup>2</sup>; 01 khu lưu chứa bùn thải có diện tích 172 m<sup>2</sup>; 01 khu lưu chứa tro trấu có diện tích 25 m<sup>2</sup> và 01 khu lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường khác có diện tích 690,5 m<sup>2</sup>); hợp đồng với các đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Trường hợp chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát được phân định là chất thải nguy hại thì quản lý dưới dạng chất thải nguy hại.

#### 4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

##### 4.2.2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom về khu lưu chứa chất thải nguy hại chung của Nhà máy hiện hữu có diện tích 285 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

##### 4.2.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại khu lưu chứa chất thải nguy hại chung của Nhà máy hiện hữu, có diện tích 285 m<sup>2</sup>, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng của Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

#### **4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:**

##### **4.3.1. Giai đoạn xây dựng:**

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, máy móc hợp lý, hạn chế để các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung hoạt động cùng lúc, hoạt động vào khung giờ cao điểm hoặc giờ nghỉ.

- Thường xuyên bảo trì, bôi trơn dầu mỡ để giảm tiếng ồn từ động cơ của máy, các bộ phận giảm âm, giảm chấn.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tại nguồn như phương pháp cân bằng máy, lắp đặt các bộ tắt chấn động, dùng gối, đệm đàn hồi cao su,...

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động (chống ồn) đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe cho công nhân vận hành các thiết bị gây ồn, có độ rung cao.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển cơ giới ra vào khu vực dự án theo đúng quy định, chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ khi tham gia giao thông, không chở quá tải trọng cho phép.

##### **4.3.2. Giai đoạn vận hành:**

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất hợp lý, không bố trí các thiết bị có khả năng gây ồn cao gần nhau. Đối với máy phát điện dự phòng được lắp đặt tại khu vực riêng biệt, cách xa khu vực văn phòng.

- Tiến hành các biện pháp chống ồn, chống rung cục bộ tại từng thiết bị; các quạt hút, thổi có công suất lớn nhà máy đều lắp hệ thống ống giảm thanh; các máy móc thiết bị có độ ồn lớn đều được lắp đặt đệm chống ồn, chống rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc thiết bị và thay thế các chi tiết có nguy cơ bị hư hỏng, gây ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn trong quá trình thực hiện Dự án.

#### **4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

4.4.1. *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: không có.

4.4.2. *Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học*: không có.

4.4.3. *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*:

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Lập và thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Kiểm định an toàn lò hơi, bảo dưỡng theo định kỳ.

- Khi các hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền, thiết bị sản xuất gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định, phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Chỉ được phép tiếp tục sản xuất khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải; công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải của các hạng mục công trình của Nhà máy hiện hữu tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được cấp phép tại Giấy phép môi trường số 3064/GPMT-BQL.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

4.4.4. *Các công trình, biện pháp khác*:

Thu gom khí thải từ các bể điều hòa (bể hiện hữu và bể lắp đặt bổ sung) thuộc hệ thống xử lý nước thải, dẫn về hệ thống xử lý bằng tháp lọc sử dụng hóa chất NaOH và NaOCl.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:**

### **5.1. Chương trình quan trắc khí thải:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Riêng các thông số n-Butyl acetate và Triethylamine là 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 04 ống thoát khí thải, gồm có:

(1) Dòng khí thải số 42 (thay thế dòng thải số 42 hiện hữu): Ống thoát khí thải của 02 hệ thống xử lý khí thải máy sấy mùn da + 01 hệ thống xử lý khí thải nhà để máy sấy mùn da (03 hệ thống xử lý đầu nối chung vào 01 ống khói);

(2) Dòng khí thải số 44: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tự động số 24;

(3) Dòng khí thải số 45: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí thải máy phun sơn tay lớn số 12;

